

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1461/2007/QĐ-UBND

*Tuy Hòa, ngày 13 tháng 8 năm 2007*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định về tổ chức thực hiện và lập dự toán các công trình thuộc Chương trình phát triển đường giao thông nông thôn giai đoạn 2007-2010 trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 24/1999/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 1999 của Chính phủ “Về việc ban hành Quy chế tổ chức huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng của các xã, thị trấn”;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 “Về việc Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình”; số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 “Về việc Quản lý chất lượng công trình xây dựng”; số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 “Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình”;

Căn cứ Nghị định số 111/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ “Hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải (tại Tờ trình số: 81/TTr-GTVT ngày 21 tháng 5 năm 2007 sau khi đã có ý kiến thống nhất của các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tư pháp và UBND các huyện, thành phố),

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này “Quy định về tổ chức thực hiện và lập dự toán các công trình thuộc Chương trình phát triển đường giao thông nông thôn giai đoạn 2007-2010 trên địa bàn tỉnh Phú Yên”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định của UBND tỉnh: số 1152/2001/QĐ-UB ngày 25 tháng 4 năm 2001 “Về việc ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình phát triển đường giao thông nông thôn” và số 2375/2001/QĐ-UB ngày 22 tháng 8 năm 2001 “Về việc ban hành quy định quản lý thực hiện đầu tư xây dựng công trình thuộc chương trình phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Yên”.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tư pháp; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Chi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Tổ chức thực hiện và lập dự toán các công trình  
thuộc Chương trình phát triển đường giao thông nông thôn  
giai đoạn 2007-2010 trên địa bàn tỉnh Phú Yên**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1461/2007/QĐ-UBND  
ngày 13 tháng 8 năm 2007 của UBND tỉnh Phú Yên)*

### **Chương I**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Mục đích yêu cầu**

Quy định các nội dung liên quan đến việc hỗ trợ vốn, quản lý, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, dự toán, thẩm định, phê duyệt và quyết toán vốn Chương trình phát triển đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Yên nhằm thực hiện đúng quy định về quản lý đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn (viết tắt là đường GTNT) để phù hợp với thực tế địa phương.

##### **Điều 2. Phạm vi áp dụng**

Quy định này quy định tổ chức thực hiện, lập và quản lý chi phí thực hiện đầu tư Chương trình phát triển đường GTNT trên địa bàn tỉnh Phú Yên do UBND các xã, phường, thị trấn làm Chủ đầu tư (gọi tắt là UBND cấp xã) và được thực hiện theo phương châm: nhà nước và nhân dân cùng làm.

##### **Điều 3. Đối tượng và mức hỗ trợ**

###### 1. Đối tượng hỗ trợ:

Các tuyến đường xã hoặc liên xã, đường làng, đường thôn xóm, đường nội đồng thuộc hệ thống đường xã do UBND xã quản lý, được thực hiện theo phương châm: nhà nước và nhân dân cùng làm.

###### 2. Mức hỗ trợ:

Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình phát triển GTNT theo qui định hiện hành của UBND tỉnh Phú Yên.

##### **Điều 4. Quyết định đầu tư và Chủ đầu tư công trình đường GTNT**

###### 1. Quyết định đầu tư công trình đường GTNT:

Ủy ban nhân dân các huyện hoặc thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện) quyết định đầu tư công trình đường GTNT.

2. Chủ đầu tư công trình đường GTNT:

a) Chủ đầu tư công trình đường GTNT là UBND cấp xã.

b) Trường hợp đặc biệt, nếu UBND cấp xã không đủ điều kiện, năng lực làm Chủ đầu tư công trình đường GTNT thì UBND cấp huyện giao cho Ban quản lý dự án huyện, thành phố (gọi tắt là Ban QLDA huyện) làm Chủ đầu tư. Trong trường hợp này UBND cấp xã có trách nhiệm bố trí người của đơn vị mình cùng tham gia với Ban QLDA của huyện ngay từ khâu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đến khi bàn giao đưa công trình đường GTNT vào khai thác, sử dụng.

## **Chương II**

### **TRÌNH TỰ ĐĂNG KÝ VỐN HỖ TRỢ, PHÂN BỐ VỐN HỖ TRỢ, QUẢN LÝ VÀ QUYẾT TOÁN VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN**

**Điều 5. Trình tự đăng ký và phân bổ vốn hỗ trợ Chương trình phát triển đường GTNT**

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện lập kế hoạch (danh mục đầu tư) trước ngày 30/10 hàng năm và khả năng huy động vốn nhân dân trong xã để đăng ký vốn hỗ trợ GTNT nộp về Sở Giao thông vận tải. Sở Giao thông vận tải tổng hợp, trình UBND tỉnh duyệt danh mục đầu tư (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định).

Danh mục đầu tư gồm: Tên tuyến đường, chiều dài, điểm đầu, điểm cuối, cấp đường, bề rộng nền đường, bề rộng mặt đường, kết cấu mặt đường, tổng mức đầu tư dự kiến.

2. Sau khi UBND tỉnh duyệt danh mục đầu tư, UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã huy động vốn nhân dân đóng góp cho từng danh mục cụ thể. Khi danh mục công trình nào đã huy động được 100% vốn nhân dân đóng góp, UBND cấp huyện có báo cáo cho UBND tỉnh (đồng thời gửi cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính) để quyết định cấp nguồn vốn hỗ trợ.

Sau khi được UBND tỉnh quyết định cấp vốn hỗ trợ, UBND cấp huyện thông báo cho phép Chủ đầu tư lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật của công trình GTNT.

Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm về báo cáo trong việc đã huy động đủ 100% phần vốn nhân dân đóng góp của từng danh mục.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã vận động nhân dân trong việc đền bù, giải phóng mặt bằng (nếu có). UBND tỉnh không hỗ trợ vốn GTNT trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng.

#### **Điều 6. Quản lý và quyết toán vốn**

1. Chủ đầu tư quản lý vốn đóng góp của nhân dân và vốn ngân sách theo các quy định hiện hành của nhà nước.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm tra và phê duyệt quyết toán công trình GTNT theo quy định hiện hành của nhà nước.

### **Chương III**

## **TRÌNH TỰ LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, LỰA CHỌN NHÀ THẦU THI CÔNG, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG, NGHIỆM THU BÀN GIAO VÀ QUẢN LÝ KHAI THÁC, SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG NÔNG THÔN**

#### **Điều 7. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt công trình GTNT**

1. Báo cáo kinh tế – kỹ thuật công trình GTNT:

a) Chủ đầu tư thuê tổ chức Tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật. Nội dung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật được lập theo quy định hiện hành.

- Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bao gồm: Phần thuyết minh, dự toán và thiết kế bản vẽ thi công. Số lượng hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật là 8 bộ.

b) Khi lập thiết kế bản vẽ thi công trong Báo cáo kinh tế - kỹ thuật có thể sử dụng thiết kế điển hình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

c) Dự toán công trình GTNT:

- Chi phí xây dựng trong dự toán công trình GTNT được lập cho các công trình chính, các công trình tạm phục vụ thi công. Chi phí xây dựng trong dự toán công trình GTNT được lập theo quy định hiện hành.

- Chi phí khác trong dự toán công trình GTNT bao gồm: Chi phí quản lý dự án, chi phí kiểm toán, chi phí bảo hiểm, chi phí khảo sát, chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật và được xác định như sau:

+ Chi phí quản lý dự án, chi phí khảo sát và chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật được tính bằng 60% theo quy định hiện hành.

+ Chi phí kiểm toán, chi phí bảo hiểm được tính theo quy định hiện hành.

- Chi phí dự phòng được tính theo quy định hiện hành.

- Trình tự xác định dự toán công trình GTNT được quy định tại **Phụ lục số 01** của quy định này.

2. Việc thẩm định thiết kế bản vẽ thi công – dự toán, thẩm định và phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình GTNT: Thực hiện theo các quy định hiện hành.

### **Điều 8. Lựa chọn nhà thầu thực hiện công trình GTNT**

1. Kế hoạch đấu thầu phải được lập, thẩm định và phê duyệt cùng với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

2. Việc lựa chọn nhà thầu thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước và của UBND Tỉnh.

### **Điều 9. Quản lý chất lượng công trình GTNT**

Quản lý chất lượng khảo sát, thiết kế, thi công, bảo hành công trình GTNT theo quy định hiện hành của nhà nước về xây dựng công trình.

### **Điều 10. Nghiệm thu bàn giao và quản lý sử dụng công trình GTNT**

1. Sau khi công trình thi công hoàn thành, Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu công trình, quản lý và khai thác sử dụng. Trường hợp UBND cấp huyện làm chủ đầu tư thì UBND cấp huyện tổ chức nghiệm thu công trình và bàn giao cho địa phương quản lý, khai thác sử dụng.

2. Hàng năm UBND xã phải có kế hoạch vốn để duy tu, sửa chữa công trình GTNT đảm bảo khai thác hiệu quả.

## **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 11. Báo cáo tình hình thực hiện Chương trình phát triển đường GTNT**

1. Định kỳ vào tuần thứ 3 hàng tháng của mỗi quý, UBND xã gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình thực hiện chương trình phát triển GTNT trên địa bàn xã cho UBND cấp huyện và Phòng Hạ tầng - Kinh tế, Phòng Tài chính - Kế hoạch của huyện để theo dõi.

2. Định kỳ vào cuối tháng thứ 3 hàng quý, UBND huyện gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình thực hiện chương trình phát triển GTNT trên địa bàn của huyện về UBND Tỉnh và gửi các sở chuyên ngành: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng để theo dõi.

3. Định kỳ giữa năm và cuối năm Giám đốc Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính để tổ chức kiểm tra, phân

tích, đánh giá và tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Chương trình GTNT trên địa bàn Tỉnh cho UBND Tỉnh và HĐND Tỉnh.

### **Điều 12. Tổ chức thực hiện**

1. Đối với các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày quy định này có hiệu lực và đã triển khai thi công thì không phải phê duyệt lại.

2. Đối với các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày quy định này có hiệu lực, nhưng chưa chỉ định thầu hoặc đang tổ chức đấu thầu thì điều chỉnh dự toán theo Quy định này.

3. Đối với các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình đã lập hoặc đang lập nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện theo quy định này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, bất cập yêu cầu các địa phương phản ánh về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp báo cáo UBND Tỉnh cho ý kiến xử lý hoặc quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Chi**

**PHỤ LỤC SỐ 01****DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH GTNT**

<b>STT</b>	<b>KHOẢN MỤC CHI PHÍ</b>	<b>CÁCH TÍNH</b>	<b>KẾT QUẢ</b>
1.	Chi phí vật liệu	Tính theo quy định hiện hành	VL
2.	Chi phí nhân công	Tính theo quy định hiện hành	NC
3.	Chi phí máy thi công	Tính theo quy định hiện hành	M
4.	Trực tiếp phí khác	$(VL + NC + M) \times$ (quy định hiện hành)	TT
<b>5.</b>	<b>Cộng chi phí trực tiếp</b>	<b>VL + NC + M + TT</b>	<b>T</b>
6.	Chi phí chung	$T \times$ (quy định hiện hành)	C
7.	Giá thành dự toán xây dựng	T + C	Z
8.	Thu nhập chịu thuế tính trước	$Z \times$ (quy định hiện hành)	TL
<b>9.</b>	<b>Giá trị dự toán xây dựng trước thuế</b>	<b>Z + TL</b>	<b>G</b>
10.	Thuế giá trị gia tăng	$G \times T_{GTGT}^{XD}$	GTGT
<b>11.</b>	<b>Giá trị dự toán xây dựng sau thuế</b>	<b>G + GTGT</b>	<b>G<sub>XDCPT</sub></b>
<b>12.</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>G<sub>XDCPT</sub></b>	<b>G<sub>XDCPT</sub></b>
13.	Chi phí quản lý dự án	<b>Tính bằng 60%</b> theo quy định hiện hành	K1
14.	Chi phí kiểm toán	Tính theo quy định hiện hành	K2
15.	Chi phí bảo hiểm	Tính theo quy định hiện hành	K3
16.	Chi phí khảo sát	<b>Tính bằng 60%</b> theo quy định hiện hành	K4
17.	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	<b>Tính bằng 60%</b> theo quy định hiện hành	K5
<b>18.</b>	<b>Cộng chi phí khác</b>	<b>K1 + k2 + ... + K6</b>	<b>K</b>
<b>19.</b>	<b>Dự phòng chi</b>	<b>5% x (G<sub>XDCPT</sub> + K)</b>	<b>Dp</b>
<b>20.</b>	<b>Dự toán công trình</b>	<b>G<sub>XDCPT</sub> + K + Dp</b>	<b>TC</b>